TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v Tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên Tòa: Bà Hứa Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Vân và bà Nguyễn Thị Hà.
- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xét xử số 01 Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2025/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1989. CCCD số do Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 11/04/2021.

Thường trú và nơi ở: Thôn Gia K, xã P, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trần Quang L, sinh năm 1983. CCCD số do Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 08/12/2021.

Thường trú và nơi ở: Thôn G, xã T, Thành phố Hà Nội.

(chị H có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cùng lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Thành phố Hà

Nội (nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội) và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn ngày 01/03/2008. Anh, chị sống chung thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác từ năm 2020 và đã chung sống như vợ chồng một thời gian. Chị H có nói chuyện và anh L đã thừa nhận mối quan hệ này nhưng vì nghĩ đến các con nhỏ nên chị H đã chịu đựng để chung sống với anh L. Tuy nhiên anh L không sửa chữa mà vẫn tiếp tục mối quan hệ bất chính. Chị H và anh L đã sống ly thân từ tháng 8/2020, mặc dù vẫn chung sống cùng nhà nhưng việc ai người đó làm. Đến tháng 06/2024 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thôn Gia K, xã P, Thành phố Hà Nội cùng các con sinh sống đến nay. Mâu thuẫn giữa chị H và anh L hai bên họ hàng đều biết và đã khuyên ngăn nhưng không thành. Trong thời gian chị H cùng các con về nhà mẹ đẻ, anh L không qua lại thăm hỏi hay trao đổi với nhau về chuyện vợ chồng về đoàn tụ mà chỉ liên lạc về chuyện học hành của các con. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang L.

- Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là Trần Thị Hà P, sinh ngày 01/12/2008 và Trần Duy K, sinh ngày 17/8/2012. Hiện các con chung đang sinh sống cùng chị H, vợ chồng ly hôn anh chị thỏa thuận chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thị Hà P, anh L chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Duy K và không bên nào phải đóng góp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Quang L vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng anh L đều vắng mặt, Tòa án đã đến gia đình nhưng không gặp anh L. Ngày 28/8/2025 anh L có gửi đến Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội đơn trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Do anh L bận công việc không thể thu xếp lên Tòa giải quyết nên anh viết đơn trình bày quan điểm như sau: Anh và chị Phạm Thị Bích H kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội). Trong quá trình chung sống anh và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh L đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng được ly hôn. Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trần Thị Hà P, sinh ngày 01/12/2008 và Trần Duy K, sinh ngày 17/8/2012. Vợ chồng ly hôn, anh chị thỏa thuận anh L chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Duy K, chị H chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thị Hà P và không bên nào phải đóng góp nuôi dưỡng con chung. Về tài

sản chung, công sức đóng góp: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không trình bày gì thêm.

* Theo lời khai của cháu Trần Thị Hà P là con chung của chị H và anh L: Trong quá trình chung sống, chị H và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã không còn sống cùng nhà từ tháng 6 năm 2024. Theo quan điểm của cháu P thì bố mẹ không thể ở chung với nhau nữa, nay chị H ly hôn với anh L, nguyện vọng của cháu P xin được ở cùng chị H.

* Theo lời khai của cháu Trần Duy K là con chung của chị H và anh L: Trong quá trình chung sống, chị H và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã không còn sống cùng nhà từ tháng 6 năm 2024. Theo quan điểm của cháu K thì bố mẹ không thể ở chung với nhau nữa, nay chị H ly hôn với anh L, nguyện vọng của cháu K xin được ở cùng anh L.

* Theo lời khai của bà Trần Thị Hạnh, sinh năm 1962 là mẹ đẻ của chị Phạm Thị Bích H: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, lời khai của chị H là đúng. Chị H và anh L sống chung có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa P. Trong quá trình chung sống chị H và anh L có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Thời gian đầu mâu thuẫn, chị H đưa các con về nhà sinh hoạt nên gia đình bà Hạnh đã khuyên bảo chị H để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con. Nhưng do mâu thuẫn của chị H và anh L ngày càng trầm trọng, đến tháng 6 năm 2024 chị H đưa các con về nhà xin được sống luôn cùng gia đình, bà Hạnh đồng ý. Nay chị H xin ly hôn với anh L, quan điểm của bà Hạnh là các cháu đã trưởng thành bà không can thiệp, là mẹ chỉ mong các cháu đoàn tụ, nếu hai cháu không đoàn tụ được mong Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh L có 02 con chung là Trần Thị Hà P, sinh ngày 01/12/2008 và Trần Duy K, sinh ngày 17/8/2012. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị H. Nay ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Trần Thị Hà P, bà Hạnh đề nghị Tòa án xử giao 01 con chung là cháu P cho chị H nuôi dưỡng, gia đình bà Hạnh đồng ý tạo điều kiện về chỗ ở cũng như các điều kiện khác tốt nhất cho hai mẹ con chị H. Về các vấn đề khác không nắm được và không có ý kiến gì.

*Qua xác minh tại UBND xã P thể hiện: Chị Phạm Thị Bích H và anh Trần Quang L có đăng ký kết hôn tại UBND ngày 01/03/2008. Anh chị kết hôn là tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa P. Trong quá trình chung sống, chính quyền có nắm được thông tin vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và hiện tại đang sống ly thân. Chị H và anh L có 02 con chung là Trần Thị Hà P, sinh ngày 01/12/2008 và Trần Duy K, sinh ngày 17/8/2012. Nay chị H yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án

giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời xem xét các điều kiện để giao con chung cho chị H và anh L, đảm bảo quyền lợi cho các cháu bé. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa P không nắm bắt được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị H được ly hôn anh L. Anh L đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Hà P, sinh ngày 01/12/2008 cho chị Phạm Thị Bích H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Giao con chung là Trần Duy K, sinh ngày 17/8/2012 cho anh Trần Quang L chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho chị H, anh L đến khi có yêu cầu và chị H, anh L có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản;

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N (Nay là UBND xã P) cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Trần Quang L có hộ khẩu thường trú tại Thôn Gia K, xã P, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Bích H và anh Trần Quang L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/03/2008, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh L không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị H đã nhiều lần cho cơ hội nhưng anh L không chịu sửa đổi dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị được ly hôn với anh L. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị Phạm Thị Bích H đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của chị H xin ly hôn.

[3] Về con chung: Xét chị H và anh L đều có đủ điệu kiện nuôi dưỡng cùng nguyện vọng của 02 con chung nên giao chị Phạm Thị Bích H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Thị Hà P, sinh ngày 01/12/2008. Giao anh Trần Quang L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Duy K, sinh ngày 17/8/2012; đến khi các con chung trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh L đến khi có yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51;56;58;81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28,35,39,147,227,271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Bích H đối với anh Trần Quang L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Bích H được ly hôn với anh Trần Quang L.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị Bích H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Thị Hà P, sinh ngày 01/12/2008 đến khi trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Giao anh Trần Quang L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Duy K, sinh ngày 17/8/2012 đến khi trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh L đến khi có yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/25E/0000437 ngày 10 tháng 07 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 – Hà Nội;
- UBND xã P;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà